

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Song Hoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 937/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 196A đường H, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Lê Tùng M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 196A đường H, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:*

Bà và ông Lê Tùng M có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng thì tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Đồng Nai vào năm 2015. Sau khi sống chung vợ chồng phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ. Đến giữa năm 2019 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ông M thường xuyên đi nhậu về đến nhà kiếm có gây sự, xúc phạm bà và gia đình bà; thậm chí ông M còn có hành vi đánh đập, đe dọa đến tính mạng của bà. Gần đây nhất khoảng đầu tháng 10/2022, hôm đó ông M đi

nhậu còn bà đi công việc; khi ông M về đến nhà không thấy bà ông M liền gọi điện thoại cho bà và có lời nói đe dọa đến tính mạng của bà nên bà có điện thoại báo Công an phường N. Khi bà về đến nhà ông M có hành vi đánh bà nên Công an phường mời hai vợ chồng lên phường làm việc và lập biên bản về sự việc trên. Từ tháng 8/2022, mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Tùng M.

Về con chung: Bà và ông M có 03 con chung tên Lê Vũ Minh T, sinh ngày 19-6-2011, Lê Thành Đ, sinh ngày 21-11-2012 và Lê Vũ Ngọc H, sinh ngày 28-01-2018. Bà có nguyện vọng nuôi cháu Lê Vũ Minh T, Lê Thành Đ và Lê Vũ Ngọc H và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Tùng M trình bày:*

Ông xác định về điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như bà N trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu tháng 8/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có người gọi điện thoại cho bà N lúc đó tiện tay nên ông cầm điện thoại của bà N để nghe thì ông thấy bà N lưu là anh yêu cùng lúc đó bà N đến chỗ ông giật lại chiếc điện thoại và ông có hỏi bà N người gọi đến là ai thì bà N nói là bạn. Từ đó ông nghi ngờ bà N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và cũng từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 9/2022, ông đi nhậu về hai vợ chồng xảy ra cãi vã và ông có cầm dao đe dọa bà N. Gần đây nhất đầu tháng 10/2022, khi ông đi nhậu về chỉ có 03 đứa con ở nhà và không thấy bà N ở nhà nên trong lúc say quá ông gọi điện thoại cho bà N và có lời nói đe dọa đòi giết bà N. Sau đó ông đứng trước cửa nhà mẹ bà N có lời nói to tiếng xúc phạm bà N. Một lúc sau bà N về ông có nắm cánh tay bà N thì Công an phường N có mặt ở đó đã mời vợ chồng ông lên phường giải quyết và lập biên bản về sự việc trên. Nay, bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương bà N nên ông đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Ông và bà N có 03 con chung tên Lê Vũ Minh T, sinh ngày 19-6-2011, Lê Thành Đ, sinh ngày 21-11-2012 và Lê Vũ Ngọc H, sinh ngày 28-01-2018. Ông đồng ý để bà N nuôi 03 con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Vũ Thị N yêu cầu ly hôn với ông Lê Tùng M có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị N, bị đơn ông Lê Tùng M vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Vũ Thị N và ông Lê Tùng M tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông M thì thấy: Theo bà N nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ông M thường xuyên đi nhậu, về đến nhà kiếm có gây sự, xúc phạm bà và gia đình bà; thậm chí ông M còn có hành vi đánh đập, đe dọa đến tính mạng của bà. Gần đây nhất khoảng đầu tháng 10/2022, ông M đi nhậu về và có hành vi đánh bà nên Công an phường N mời hai vợ chồng lên phường làm việc và lập biên bản về sự việc trên. Từ tháng 8/2022, mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo ông M trình bày: Khoảng đầu tháng 8/2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có người gọi điện thoại cho bà N lúc đó tiện tay nên ông cầm điện thoại của bà N để nghe thì ông thấy bà N lưu là anh yêu cùng lúc đó bà N đến chỗ ông giật lại chiếc điện thoại và ông có hỏi bà N người gọi đến là ai thì bà N nói là bạn. Từ đó ông nghi ngờ bà N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và cũng từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Khoảng tháng 9/2022, ông đi nhậu về thì hai vợ chồng xảy ra cãi vã và ông có cầm dao đe dọa bà N. Gần đây nhất đầu tháng 10/2022, khi ông đi nhậu về chỉ có 03 đứa con ở nhà và không thấy bà N ở nhà nên trong lúc say quá ông gọi điện thoại cho bà N và có lời nói đe dọa đòi giết bà N và khi bà N về ông có nắm cánh tay bà N thì Công an phường N mời vợ chồng ông lên phường giải quyết và lập biên bản về sự việc trên.

[2.3]. Theo xác minh tại địa phương bà Vũ Thị N và ông Lê Tùng M cư trú tại địa chỉ 196A đường H, phường N, thành phố T từ năm 2018 đến nay. Từ năm 2019, bà N và ông M xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, có xô xát, cãi vã về nguyên nhân cụ thể thì đại diện địa phương không nắm rõ. Bà N và ông M chưa yêu cầu khu phố hòa giải mâu thuẫn vợ chồng lần nào.

[2.4]. Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông M là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp.

[2.5]. Về con chung: Bà Vũ Thị N và ông Lê Tùng M có 03 con chung tên Lê Vũ Minh T, sinh ngày 19-6-2011, Lê Thành Đ, sinh ngày 21-11-2012 và Lê Vũ Ngọc

H, sinh ngày 28-01-2018. Bà N có nguyện vọng nuôi cháu T, cháu Đ và cháu H và lại Ông M cũng đồng ý để bà N nuôi 03 con chung nên xem xét giao cháu T, cháu Đ và cháu H cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N đối với ông Lê Tùng M.

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị N ly hôn với ông Lê Tùng M.

2. Về con chung: Bà N và ông M có 03 con chung tên Lê Vũ Minh T, sinh ngày 19-6-2011, Lê Thành Đ, sinh ngày 21-11-2012 và Lê Vũ Ngọc H, sinh ngày 28-01-2018. Bà Vũ Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Lê Vũ Minh T, Lê Thành Đ và Lê Vũ Ngọc H. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Tùng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003344 ngày 21-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Hương**